

Kinh tế quốc tế nâng cao

Chương 4

Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế toàn cầu

Mục tiêu nghiên cứu

1. Nhận thức đầy đủ cơ hội và thách thức của các quốc gia trong điều kiện hội nhập kinh tế toàn cầu.
2. Nắm được hệ thống định chế hợp tác phổ biến trong hội nhập kinh tế toàn cầu và những trường hợp vận dụng chúng.

Nội dung cơ bản

1. Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế toàn cầu.
2. Cơ hội và thách thức của các quốc gia trong hội nhập kinh tế toàn cầu.
3. Các định chế hội nhập kinh tế toàn cầu.

3

1. Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế toàn cầu

- (1) Khái niệm hội nhập kinh tế toàn cầu.
- (2) Những nội dung cơ bản của hội nhập kinh tế toàn cầu.
- (3) Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế toàn cầu.

4

Khái niệm hội nhập kinh tế toàn cầu

- ❑ Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình chủ động, tự nguyện của các quốc gia tiến hành mở cửa để gắn kết các nền kinh tế với nhau theo những thể chế nhất định.
- ❑ Thể chế hội nhập sẽ tạo điều kiện cho quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thuận lợi hơn, nhưng cũng ràng buộc quan hệ phụ thuộc lẫn nhau chặt chẽ hơn.

5

Khái niệm hội nhập kinh tế toàn cầu

- ❑ Thông thường, các quốc gia sẽ mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế theo 3 cấp độ lần lượt từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, là:
 - Hội nhập kinh tế song phương.
 - Hội nhập kinh tế khu vực.
 - Hội nhập kinh tế đa phương toàn cầu.

6

Khái niệm hội nhập kinh tế toàn cầu

- ❑ Hội nhập kinh tế toàn cầu là cấp độ hội nhập cao nhất, đòi hỏi các nước phải:
 - Gia nhập và góp phần xây dựng các định chế hợp tác kinh tế đa phương trên phạm vi toàn cầu.
 - Qua đó, mở cửa thị trường rộng rãi, gắn liền thị trường và nền kinh tế quốc gia với thị trường và nền kinh tế thế giới.

7

Những nội dung cơ bản của hội nhập kinh tế toàn cầu

- ❑ Một mặt, phải tích cực thực hiện tự do hóa thương mại:
 - Giảm thấp hàng rào thuế quan.
 - Loại bỏ hầu hết các hàng rào phi thuế quan bất hợp lý...
- Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự **lưu thông hàng hóa, dịch vụ** giữa thị trường nội địa với thị trường thế giới.

8

Những nội dung cơ bản của hội nhập kinh tế toàn cầu

☐ Đồng thời, kết hợp đồng bộ với tự do hóa tài chính và đầu tư:

- Tự do hóa tài khoản vốn.
- Gắn kết thị trường tài chính quốc gia với thị trường tài chính toàn cầu...

Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự **lưu thông các yếu tố sản xuất** giữa thị trường nội địa với thị trường thế giới.

9

Những nội dung cơ bản của hội nhập kinh tế toàn cầu

☐ Mặt khác, không ngừng cải cách các thể chế bên trong nền kinh tế cho tương thích với các định chế kinh tế quốc tế:

- Minh bạch hóa chính sách kinh tế đối ngoại
- Tuân thủ các nguyên tắc không phân biệt đối xử trong quan hệ thương mại và đầu tư.

Làm cho môi trường kinh doanh dễ dự đoán hơn đối với các đối tác thương mại và đầu tư.

10

Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế toàn cầu

- ❑ Toàn cầu hóa là sự liên kết (và do đó) dẫn đến phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia và cá nhân trên toàn thế giới.
- ❑ Toàn cầu hóa khởi đầu từ lĩnh vực kinh tế, sau đó lan sang nhiều lĩnh vực khác, như: văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, bảo vệ tài nguyên - môi trường...

11

Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế toàn cầu

- ❑ Thực chất, toàn cầu hóa phát sinh từ quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế:
 - Toàn cầu hóa thị trường phát sinh trước (trên căn bản của tự do hóa thương mại)... dẫn đến sự ra đời của các MNCs - TNCs.
 - Để tối đa hóa lợi nhuận, các MNCs - TNCs làm phát sinh toàn cầu hóa sản xuất (trên căn bản của tự do hóa tài chính và đầu tư).

12

Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế toàn cầu

- ❑ Toàn cầu hóa có tính hai mặt:
 - Hội nhập kinh tế và các lĩnh vực khác có liên quan đã tạo ra nhiều cơ hội phát triển cho tất cả các quốc gia.
 - Nhưng mặt trái của toàn cầu hóa cũng đem đến các nguy cơ đe dọa, như: khủng hoảng kinh tế dây chuyền, ô nhiễm môi trường toàn cầu và nhiều tác động ngoại lai khác...

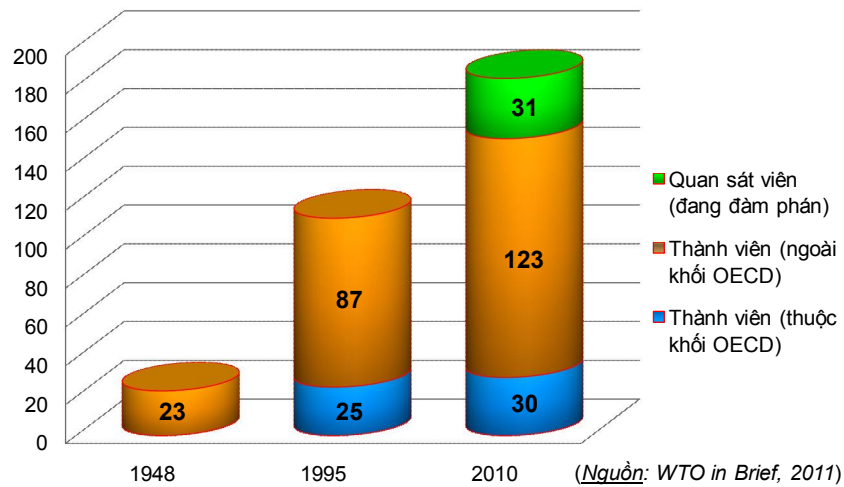
13

Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế toàn cầu

- ❑ Thực tế, hội nhập kinh tế toàn cầu trong làn sóng toàn cầu hóa là xu thế tất yếu khách quan không thể đảo ngược, vì:
 - Trên bình diện chung, các lợi ích thu được (không chỉ có lợi ích kinh tế) lớn hơn rất nhiều so với mặt tác hại.
 - Nên ngày càng có nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia hội nhập kinh tế toàn cầu.

14

Minh họa: Tình hình gia tăng số thành viên của hệ thống GATT/WTO



15

2. Cơ hội và thách thức của các quốc gia trong hội nhập kinh tế toàn cầu

- (1) Cơ hội của các quốc gia khi hội nhập kinh tế toàn cầu.
- (2) Thách thức các quốc gia gặp phải khi hội nhập kinh tế toàn cầu.
- (3) Đối sách trước cơ hội và thách thức khi hội nhập kinh tế toàn cầu.

16

Cơ hội của các quốc gia khi hội nhập kinh tế toàn cầu

- Từ sự mở rộng thị trường toàn cầu về hàng hóa, dịch vụ, lao động, tài chính...
 - Với lực lượng MNCs/TNCs hùng mạnh, các nước công nghiệp đã chiếm nhiều ưu thế trong việc mở rộng thị trường.
 - Nhưng các nước đang phát triển cũng có không ít cơ hội mở rộng thị trường nhờ các rào cản thương mại đã giảm đi rất nhiều.

17

Cơ hội của các quốc gia khi hội nhập kinh tế toàn cầu

- Từ sự chuyển dịch đầu tư và công nghệ:
 - Các nước công nghiệp giữ vai trò chủ động chuyển giao vốn đầu tư và công nghệ để khai thác lợi thế so sánh trên khắp thế giới.
 - Các nước đang phát triển cũng có nhiều cơ hội thu hút đầu tư và nhận chuyển giao công nghệ để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế.

18

Cơ hội của các quốc gia khi hội nhập kinh tế toàn cầu

☐ Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Xu hướng của các nước công nghiệp là chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên căn bản đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức.
- Thực tế, các nước công nghiệp có rất nhiều cơ hội và điều kiện để tăng nhanh tỷ trọng của các ngành hàng công nghệ cao và các ngành dịch vụ giá trị gia tăng cao.

19

Cơ hội của các quốc gia khi hội nhập kinh tế toàn cầu

☐ Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Xu hướng của các nước đang phát triển là đẩy mạnh (để rút ngắn) công nghiệp hóa kết hợp với hiện đại hóa nền kinh tế.
- Trước hết, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp.
- Kết hợp với chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành theo hướng hiện đại hóa sản xuất.

20

Cơ hội của các quốc gia khi hội nhập kinh tế toàn cầu

- Tạo thêm việc làm và tăng thu nhập:
 - Do phân công lao động quốc tế sâu rộng, nên cơ hội tạo thêm việc làm và tăng thu nhập phân bố đều cho tất cả các quốc gia.
 - Riêng các nước đang phát triển còn có cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu lao động để sớm tiến đến tình trạng toàn dụng nhân lực...

21

Thách thức các quốc gia gặp phải khi hội nhập kinh tế toàn cầu

- Từ những tác hại trong lĩnh vực kinh tế:
 - Quan hệ phụ thuộc nhau càng nhiều, nguy cơ khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực và khủng hoảng kinh tế toàn cầu càng lớn.
 - Bảo hộ mậu dịch tinh vi và trả đũa thương mại đã kéo lùi nhiều cơ hội phát triển.
 - Các tệ nạn hàng gian, hàng giả, gian lận thương mại có điều kiện phát tác nhiều hơn

22

Thách thức các quốc gia gặp phải khi hội nhập kinh tế toàn cầu

- Từ những tác hại trong lĩnh vực kinh tế:
 - Đối với các nước công nghiệp:
 - nhiều ngành hàng bị giảm sức cạnh tranh (*xem mô hình IPLC của Raymond Vernon*);
 - nhập khẩu ngược sản phẩm chế tạo từ các nước NICs và các nước đang phát triển;
 - tăng tỷ lệ thất nghiệp trong nước...

23

Thách thức các quốc gia gặp phải khi hội nhập kinh tế toàn cầu

- Từ những tác hại trong lĩnh vực kinh tế:
 - Đối với các nước đang phát triển:
 - cạnh tranh quốc tế thua kém trên sân nhà;
 - chảy máu chất xám;
 - tiếp nhận công nghệ lạc hậu;
 - cơ sở hạ tầng thiếu và kém chất lượng;
 - nguy cơ mắc “bẫy mậu dịch tự do”;
 - nguy cơ mắc “bẫy thu nhập trung bình”...

24

Thách thức các quốc gia gặp phải khi hội nhập kinh tế toàn cầu

- ❑ Từ những tác động ngoại lai tiêu cực:
 - Khai thác tài nguyên bừa bãi. Các nước nghèo hứng chịu tệ trạng này nặng nề hơn các nước công nghiệp.
 - Ô nhiễm môi trường gây mất cân bằng sinh thái trầm trọng trong từng quốc gia, nay đã trở thành vấn nạn toàn cầu.
 - Tin tặc ngày càng nhiều và nguy hiểm hơn.

25

Thách thức các quốc gia gặp phải khi hội nhập kinh tế toàn cầu

- ❑ Từ những tác hại phi kinh tế khác:
 - Phân hóa giàu nghèo tăng nhanh trong mỗi nước và giữa các quốc gia với nhau.
 - Lây nhiễm văn hóa độc hại và lối sống không lành mạnh.
 - Tệ nạn tham nhũng xuyên quốc gia.
 - Chủ nghĩa khủng bố tràn lan khắp nơi.

(xem lại các nội dung ở mục 3, chương 1)...

26

Đổi sách trước cơ hội và thách thức khi hội nhập kinh tế toàn cầu

- ❑ Tham gia ngày càng chặt chẽ và sâu hơn vào các tổ chức kinh tế đa phương.
- ❑ Cải cách kinh tế, minh bạch hóa chính sách, sửa đổi bổ sung luật lệ, thuận lợi hóa môi trường kinh doanh và đầu tư.
- ❑ Cải cách hành chính để nâng cao năng lực quản lý của bộ máy nhà nước.

27

Đổi sách trước cơ hội và thách thức khi hội nhập kinh tế toàn cầu

- ❑ Riêng đối với các nước đang phát triển còn phải chú trọng xây dựng lực lượng đáp ứng yêu cầu hội nhập:
 - Phát triển cơ sở hạ tầng.
 - Phát triển công nghệ.
 - Phát triển giáo dục, đào tạo ...

28

3. Các định chế hội nhập kinh tế toàn cầu

- (1) Hệ thống Bretton Woods.
- (2) Hệ thống Liên Hiệp Quốc.
- (3) Hệ thống GATT/WTO.
- (4) Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO.
- (5) Hội nhập kinh tế toàn cầu đối với các nước đang phát triển.

29

Hệ thống Bretton Woods

- Hội nghị Bretton Woods có 44 nước họp tại New Hampshire (Mỹ) năm 1944, đã:
 - Thiết kế hệ thống tiền tệ quốc tế mới (trên căn bản cơ chế tỷ giá cố định) để thay thế cho chế độ kim bản vị bị sụp đổ trước đó;
 - Thành lập hai tổ chức IMF và WB để kiểm soát tài chính - tiền tệ, thúc đẩy phát triển kinh tế thế giới.

30

Hệ thống Bretton Woods

- ❑ Cơ chế tỷ giá cố định theo thỏa thuận Bretton Woods đã kết thúc từ 8/1971 khi Mỹ quyết định không chuyển đổi tiền giấy US Dollar ra vàng nữa.
- ❑ Nhưng IMF và WB vẫn tồn tại cho đến ngày nay và đã phát huy tích cực vai trò định chế hội nhập kinh tế toàn cầu.

31

Hệ thống Bretton Woods

- ❑ IMF – International Monetary Fund:
 - Ra đời năm 1945, hiện có 187 thành viên.
 - Nhiệm vụ chính là theo dõi tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế; hỗ trợ kỹ thuật và giúp đỡ tài chính cho các thành viên khi có yêu cầu để duy trì sự ổn định trong hệ thống tiền tệ quốc tế.

(tham khảo tại: <http://www.imf.org>)

32

Hệ thống Bretton Woods

□ World Bank Group:

- Hệ thống tổ chức có 5 thành viên như sau:
 - (1) Ngân hàng tái thiết và phát triển quốc tế (IBRD, ra đời năm 1945, hiện có 187 thành viên).
 - (2) Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA, 1960, 170).
 - (3) Công ty tài chính quốc tế (IFC, 1956, 182).
 - (4) Cơ quan bảo lãnh đầu tư đa phương (MIGA, 1988, 175).
 - (5) Trung tâm giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (ICSID, 1966, 146).

33

Hệ thống Bretton Woods

□ World Bank Group:

- Nhiệm vụ chính là thúc đẩy phát triển kinh tế các nước đang phát triển thông qua cho vay ưu đãi lãi suất thấp, hạn trả dài để phát triển cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi, điều chỉnh chính sách cải cách kinh tế và xóa đói giảm nghèo...

(tham khảo tại: <http://www.worldbank.org>)

34

Hệ thống Liên Hiệp Quốc

- ❑ Liên Hiệp Quốc ra đời ngày 24/10/1945. Trụ sở tại New York, Hoa Kỳ. Hiện có 192 thành viên.
- ❑ Mục đích: ngăn chặn chiến tranh; bảo vệ nhân quyền; duy trì luật pháp quốc tế; tăng cường tiến bộ kinh tế, xã hội, cải thiện các điều kiện sống và phòng chống dịch bệnh.

35

Hệ thống Liên Hiệp Quốc

- ❑ UNCTAD – United Nations Conference on Trade and Development:
 - Ra đời năm 1964, hiện có 193 thành viên.
 - Mục đích: thúc đẩy sự phát triển kinh tế (thương mại và đầu tư) của tất cả thành viên, nhất là các nước đang phát triển...

(tham khảo tại: <http://www.unctad.org>)

36

Hệ thống Liên Hiệp Quốc

□ UNDP – United Nations Development Programme:

- Ra đời năm 1965, hiện có 166 thành viên.
- Mục đích: tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật nhằm phát triển kinh tế - xã hội đa mục tiêu (ưu tiên các mục tiêu thiên niên kỷ và xóa đói giảm nghèo) cho các nước đang phát triển.

(tham khảo tại: <http://www.undp.org>)

37

Hệ thống Liên Hiệp Quốc

□ UNIDO – United Nations Industrial Development Organization:

- Ra đời năm 1966, hiện có 173 thành viên.
- Mục đích: hỗ trợ kỹ thuật cho thành viên là các nước đang phát triển nhằm nâng cao trình độ công nghệ để tăng hiệu quả sản xuất, góp phần xóa đói giảm nghèo...

(tham khảo tại: <http://www.unido.org>)

38

Hệ thống GATT/WTO

- ❑ GATT (*General Agreement on Tariffs and Trade*): 23 nước ký kết 11/1947 tại Havana để trừ bị cho việc thành lập ITO (*The International Trade Organization*).
- ❑ Do không thành lập được ITO, nên GATT đã tồn tại như một diễn đàn đàm phán đa phương kéo dài 47 năm kể từ khi có hiệu lực vào ngày 01/01/1948.

39

Hệ thống GATT/WTO

- ❑ GATT đã tổ chức 8 vòng đàm phán đa phương. Khi kết thúc vòng 8 các thành viên đã ký kết hiệp định thành lập WTO (15/04/1994 tại Marrakesh, Morocco).
- ❑ WTO (*World Trade Organization*) ra đời ngày 01/01/1995 với 78 sáng lập viên. Hiện nay có 153 thành viên và 31 quan sát viên.

40

Hệ thống GATT/WTO

☐ Mục tiêu của WTO:

- (1) Thúc đẩy thương mại hàng hóa và dịch vụ đáp ứng cho sự phát triển ổn định, bền vững và bảo vệ môi trường.
- (2) Thúc đẩy phát triển các thể chế thị trường, giải quyết các bất đồng và tranh chấp thương mại đa phương phù hợp với nguyên tắc cơ bản của công pháp quốc tế; bảo đảm cho các nước đang (và kém) phát triển được hưởng lợi ích thực chất từ sự tăng trưởng của thương mại quốc tế.
- (3) Nâng cao mức sống, tạo việc làm, đảm bảo các quyền và tiêu chuẩn lao động cho dân cư các nước thành viên.

41

Hệ thống GATT/WTO

☐ Chức năng cơ bản của WTO:

- (1) Quản lý thực hiện các thỏa thuận thương mại của WTO.
- (2) Diễn đàn đàm phán thương mại đa phương.
- (3) Giải quyết tranh chấp thương mại đa phương.
- (4) Rà soát chính sách thương mại của các thành viên.
- (5) Hỗ trợ các nước đang phát triển giải quyết những vấn đề về chính sách thương mại thông qua các chương trình huấn luyện và trợ giúp kỹ thuật.
- (6) Hợp tác với các tổ chức quốc tế khác (IMF, WB...).

42

Hệ thống GATT/WTO

☐ Nguyên tắc cơ bản của WTO:

- (1) Không phân biệt đối xử (áp dụng các qui chế MFN & NT).
- (2) Thương mại tự do hơn (thông qua thương lượng để cắt giảm hàng rào mậu dịch).
- (3) Dễ dự đoán (minh bạch hóa chính sách thương mại, không tùy tiện tăng các rào cản thương mại).
- (4) Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng hơn.
- (5) Dành nhiều ưu đãi hơn cho các thành viên là quốc gia kém phát triển (LDCs).

(tham khảo tại: <http://www.wto.org>)

43

Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO

☐ Trọng tâm là Hiệp định thành lập WTO (15/04/1994) và các phụ lục kèm theo...

☐ Phụ lục 1A - có 13 hiệp định đa phương về thương mại hàng hóa:

- (1) Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch 1994 (GATT.1994). Trong đó, có 7 phụ đính giải thích các chi tiết của GATT.1994.
- (2) Hiệp định về nông nghiệp (AoA).

44

Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO

- ❑ Phụ lục 1A - có 13 hiệp định đa phương về thương mại hàng hóa:
 - (3) Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch (SPS).
 - (4) Hiệp định về hàng dệt may (ATC).
 - (5) Hiệp định về các hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT).
 - (6) Hiệp định về các biện pháp quản lý đầu tư có liên quan đến thương mại (TRIMs).

45

Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO

- ❑ Phụ lục 1A - có 13 hiệp định đa phương về thương mại hàng hóa:
 - (7) Hiệp định thực hiện điều VI (GATT.1994) về chống bán phá giá.
 - (8) Hiệp định thực hiện điều VII (GATT.1994) về trị giá tính thuế hải quan.
 - (9) Hiệp định về giám định trước khi xếp hàng lên tàu.

46

Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO

- ❑ Phụ lục 1A - có 13 hiệp định đa phương về thương mại hàng hóa:

(10) Hiệp định về qui tắc xuất xứ hàng hóa.

(11) Hiệp định về thủ tục cấp phép nhập khẩu.

(12) Hiệp định về tài trợ và các biện pháp chống tài trợ.

(13) Hiệp định về tự vệ.

47

Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO

- ❑ Phụ lục 1B - Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS), có 8 phụ đính về các nội dung liên quan của GATS.
- ❑ Phụ lục 1C - Hiệp định về các khía cạnh của quyền sở hữu trí tuệ có liên quan đến thương mại (TRIPS).

48

Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO

- Phụ lục 2 - Hiệp định đa phương về các quy tắc và thủ tục điều chỉnh việc giải quyết tranh chấp thương mại (DSU).
- Phụ lục 3 - Hiệp định đa phương về cơ chế rà soát chính sách thương mại (TPRM).

49

Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO

- Phụ lục 4(a) - Hiệp định đa phương về mua bán máy bay dân dụng.
- Phụ lục 4(b) - Hiệp định đa phương về mua sắm của chính phủ.
- Phụ lục 4(c) - Hiệp định đa phương về mua bán sản phẩm sữa.
- Phụ lục 4(d) - Hiệp định đa phương về mua bán sản phẩm thịt bò.

50

Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO

- ❑ Ngoài ra, trong văn kiện pháp lý về luật chơi của hệ thống WTO còn bao gồm:
 - Những thỏa thuận từ GATT.1947 cho đến vòng đàm phán Uruguay vẫn còn giá trị áp dụng (được WTO niêm yết 42 văn kiện);
 - Những thỏa thuận bổ sung đã đạt được sau ngày 15/04/1994 và một số kết quả tại vòng đàm phán Doha (2001 – 2005)...

51

Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO

- ❑ Cơ chế vận hành của hệ thống WTO:
 - Khi gia nhập WTO, thành viên phải cam kết thực hiện cả gói tất cả các hiệp định và cơ sở pháp lý có liên quan của hệ thống.
 - Khi thực hiện cam kết hội nhập WTO, thành viên là các nước đang (và kém) phát triển được nâng đỡ hơn so với các nước công nghiệp (vì sức cạnh tranh yếu kém hơn).

52

Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO

☐ Cơ chế vận hành của hệ thống WTO:

- Cơ chế vận hành của hệ thống WTO hiệu quả hơn nhiều so với GATT trước kia, vì:
 - cơ cấu tổ chức chặt chẽ, khoa học hơn.
 - cơ chế ra quyết định hợp lý hơn.
 - cơ chế xử lý tranh chấp (có qui định chế tài) nên nhanh chóng và hiệu quả hơn.
 - có cơ chế rà soát chính sách để đảm bảo cho môi trường thương mại ổn định và dễ dự đoán hơn. (1)

53

Hội nhập kinh tế toàn cầu đối với các nước đang phát triển

☐ Gia nhập nhiều tổ chức đa phương như:

- WTO – về thương mại;
- IMF, WB – về tài chính, ngân hàng;
- UNCTAD, UNDP, UNIDO – liên quan nhiều khía cạnh về kinh tế và kỹ thuật...

...để khai thác hiệu quả tổng hợp, nâng cao vị thế của nền kinh tế quốc gia trong quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu.

54

Hội nhập kinh tế toàn cầu đối với các nước đang phát triển

☐ Chủ động trong hội nhập WTO:

- Một mặt, vận dụng các cơ chế chống phân biệt đối xử và giải quyết tranh chấp thương mại để khai thác cơ hội mở rộng thị trường.
- Mặt khác, tận dụng các loại trợ cấp và các hàng rào kỹ thuật hợp lệ trong qui định để hỗ trợ doanh nghiệp nội địa nâng cao sức cạnh tranh quốc tế trên sân nhà...

55

Hội nhập kinh tế toàn cầu đối với các nước đang phát triển

☐ Đẩy mạnh tự do hóa tài chính và đầu tư:

- Tăng cường xúc tiến thương mại kết hợp với xúc tiến đầu tư quốc tế để tích cực thu hút các nguồn vốn tư nhân (FDI & FPI).
- Xây dựng chiến lược và chương trình hành động cụ thể nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn vốn tài trợ cấp chính phủ và tài trợ đa phương để phát triển cơ sở hạ tầng.

56

Hội nhập kinh tế toàn cầu đối với các nước đang phát triển

- Đồng thời, phải chú trọng xử lý các mặt khó khăn, thách thức:
 - Tranh thủ các khoản tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện các chương trình cải cách kinh tế và xử lý các tác động ngoại lai.
 - Tích cực tìm kiếm viện trợ không hoàn lại cho các chương trình phúc lợi công cộng và xóa đói giảm nghèo...

57

Kết luận

1. Trong xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, vấn đề hội nhập kinh tế toàn cầu là yêu cầu tất yếu đối với tất cả các nước.
2. Ngày nay, các định chế hợp tác kinh tế đa phương đã trở nên hoàn thiện hơn và bổ sung tốt cho nhau để giảm bớt khó khăn, thách thức và tăng cơ hội tích cực cho các quốc gia.

58

Kết luận

3. Để hội nhập thành công, đòi hỏi phải hiểu rõ nội dung và cơ chế hoạt động của các tổ chức kinh tế đa phương để thích nghi cho tốt.
4. Đối với các nước đang phát triển, còn phải nâng cao tính chủ động hội nhập để khai thác tối đa các mặt lợi ích, đồng thời giảm thiểu được các mặt tác hại...

59

Câu hỏi thảo luận

1. Trình bày những nội dung cơ bản của hội nhập kinh tế toàn cầu.
2. Tại sao nói về thực chất, toàn cầu hóa phát sinh từ quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế? Cho ví dụ minh họa.
3. Phân tích cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế toàn cầu đối với các quốc gia công nghiệp.

60

Câu hỏi thảo luận

4. Phân tích cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế toàn cầu đối với các quốc gia đang phát triển.
5. Trình bày các định chế hội nhập kinh tế toàn cầu của hệ thống Bretton Woods.
6. Trình bày các định chế hội nhập kinh tế toàn cầu của hệ thống Liên Hiệp Quốc.

61

Câu hỏi thảo luận

7. Trình bày tổng quan về thể chế hội nhập kinh tế toàn cầu của hệ thống GATT/WTO.
8. Tìm hiểu Hiệp định về nông nghiệp (AoA) của WTO.
9. Tìm hiểu Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của WTO.

62

Câu hỏi thảo luận

10. Tìm hiểu Hiệp định về chống bán phá giá của WTO.
11. Tìm hiểu Hiệp định về trị giá tính thuế hải quan của WTO.
12. Tìm hiểu Hiệp định về tự vệ của WTO.
13. Tìm hiểu Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS) của WTO.

63

Câu hỏi thảo luận

14. Tìm hiểu Hiệp định về các khía cạnh của quyền sở hữu trí tuệ có liên quan đến thương mại (TRIPS) của WTO.
15. Tại sao nói cơ chế vận hành của hệ thống WTO hiệu quả hơn so với hệ thống GATT trước kia? Cho ví dụ để chứng minh.

64

